

Số: 850<sup>a</sup>/QĐ-UBND

Krông Pa, ngày 19 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao chỉ tiêu biên chế viên chức năm 2019**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai;

Thực hiện Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh về giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp của tỉnh và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp năm 2019; Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của UBND tỉnh về việc giao bổ sung số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập tại các huyện, thị xã, thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu biên chế viên chức (số lượng người làm việc) năm 2019 cho các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện:

Biên chế viên chức (số lượng người làm việc) là **1.269**; Biên chế hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là **54**;

(Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Căn cứ vào chỉ tiêu biên chế được giao. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm quản lý và sử dụng hiệu quả chỉ tiêu biên chế của đơn vị, hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc được giao.

Giao phòng Nội vụ và phòng Tài chính - Kế hoạch huyện hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch biên chế, điều chỉnh quỹ tiền lương và kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Trưởng phòng Tài chính-KH huyện, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này thay thế các quyết định giao biên chế trước đây và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

*[Chữ ký]*  
**Tô Văn Chánh**

**BẢNG GIAO BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP (SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC) NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 850 /QĐ-UBND ngày 19 /.../2019 của UBND huyện)

STT	Cơ cấu tổ chức bộ máy	Biên chế huyện giao năm 2018			Biên chế tỉnh giao năm 2019			Giao biên chế năm 2019			Tăng giảm năm 2019 so với biên chế giao năm 2018			Có mặt đến 09/2019				Ghi chú
		Tổng số	Biên chế	HĐ LĐ theo ND 68	Tổng số	Biên chế	HĐ LĐ theo ND 68	Tổng số	Biên chế	HĐLĐ theo ND 68	Tổng số	Biên chế	HĐLĐ theo ND 68	HĐLĐ theo ND 68	Biên chế	Tổng số	Hợp đồng lao động	
	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>I</b>	<b>Sự nghiệp Giáo dục</b>	<b>1185</b>	<b>1130</b>	<b>55</b>	<b>1279</b>	<b>1227</b>	<b>52</b>	<b>94</b>	<b>97</b>	<b>-3</b>	<b>1155</b>	<b>1076</b>	<b>44</b>	<b>35</b>				
1	Các đơn vị trường học	1165	1113	52	1260	1210	50	95	97	-2	1137	1063	42	32				
2	Trung tâm Giáo dục NN-GD TX	20	17	3	19	17	2	-1	0	-1	18	13	2	3				
<b>II</b>	<b>Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao</b>	<b>24</b>	<b>23</b>	<b>1</b>	<b>24</b>	<b>22</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>-1</b>	<b>1</b>	<b>23</b>	<b>15</b>	<b>1</b>	<b>7</b>				
<b>III</b>	<b>Sự nghiệp khác</b>	<b>20</b>	<b>20</b>		<b>1323</b>	<b>1269</b>	<b>54</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	<b>5</b>				
1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	16	16		16	16	0	0	0	0	15	12		3				
2	Công tác Lưu trữ (Phòng Nội vụ)	4	4		4	4		0	0	0	3	1		2				
<b>IV</b>	<b>Biên chế của Trung tâm Dân số - KHHGD huyện chưa điều chuyển còn lại để tinh giản</b>	<b>3</b>	<b>3</b>								<b>-3</b>	<b>-3</b>	<b>0</b>					
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>1232</b>	<b>1176</b>	<b>56</b>	<b>1323</b>	<b>1269</b>	<b>54</b>	<b>1323</b>	<b>1269</b>	<b>-2</b>	<b>1196</b>	<b>1104</b>	<b>45</b>	<b>47</b>				